

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 22/2025/TT-BTC NGÀY 09 THÁNG 5 NĂM 2025 BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 1. Bổ sung điểm d vào khoản 2 Điều 1 như sau:

“d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này. Việc theo dõi tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán.”.

Điều 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 2 như sau:

“3. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản) quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 09/5/2025 của Bộ Tài chính.”.

Điều 3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

“b) Có nguyên giá từ ~~10.000.000 đồng (mười triệu đồng)~~ **30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.**”.

Điều 4. Bổ sung khoản 9 Điều 5 như sau:

“9. Trường hợp sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp hoặc sử dụng vào mục đích quy định tại **khoản 2 Điều 26** Nghị định số/2026/NĐ-CP ngàytháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Thông tư này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 12/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá tài sản} \\ \text{kết cấu hạ} \\ \text{tầng} \\ \text{đường} \\ \text{thủy nội} \\ \text{địa do mua} \\ \text{sắm} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{trị} \\ \text{ghi} \\ \text{trên} \\ \text{hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương mại} \\ \text{hoặc giảm} \\ \text{giá hoặc} \\ \text{phạt người} \\ \text{bán (nếu} \\ \text{có)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển,} \\ \text{bóc dỡ, } \text{ehi} \\ \text{phí sửa} \\ \text{chữa, cải} \\ \text{tạo, nâng} \\ \text{cấp chi phí} \\ \text{lắp đặt,} \\ \text{chạy thử} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{thu hồi} \\ \text{về sản} \\ \text{phẩm,} \\ \text{phế liệu} \\ \text{do chạy} \\ \text{thử} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{(không bao gồm các} \\ \text{khoản thuế được} \\ \text{khấu trừ, hoàn lại);} \\ \text{các khoản phí, lệ phí} \\ \text{theo quy định của} \\ \text{pháp luật về phí và lệ} \\ \text{phí} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu} \\ \text{có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa mà cơ quan đã chỉ ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (bao gồm cả chi phí trong lựa chọn nhà thầu được bù đắp từ nguồn kinh phí không phải từ khoản thu từ hoạt động đầu thầu theo quy định của pháp luật).

c) Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị ghi trên hóa đơn của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phát sinh chi phí chung...).

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm tra¹, kiểm toán, điều tra thì cơ quan quản lý tài sản phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Sửa đổi khoản 3 như sau:

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 12/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Nguyên giá tài sản kết} & & \text{Nguyên giá} & & \text{Chi phí vận} & & \text{Các khoản} \\
 \text{cấu hạ tầng đường} & & \text{ghi trên Biên} & & \text{chuyển, bốc} & & \text{phí, lệ phí} \\
 \text{thủy nội địa được} & = & \text{bản bàn giao,} & + & \text{dỡ, chi phí} & - & \text{theo quy định} \\
 \text{giao, nhận điều} & & \text{tiếp nhận tài} & & \text{sửa chữa, cải} & \text{Các khoản} & \text{của pháp luật} \\
 \text{chuyển, chuyển giao} & & \text{sản} & & \text{tạo, nâng} & \text{thu hồi về} & \text{về phí và lệ} \\
 & & & & \text{cấp, chi phí} & \text{sản phẩm,} & \text{phí} \\
 & & & & \text{lắp đặt, chạy} & \text{phế liệu do} & \text{Chi} \\
 & & & & \text{thử} & \text{chạy thử} & \text{phí} \\
 & & & & & & \text{khác} \\
 & & & & & & \text{(nếu} \\
 & & & & & & \text{có)}
 \end{array}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan có tài sản giao, điều chuyển.

¹ Bổ sung cụm từ “kiểm tra”, “điều tra” theo quy định tại khoản 1 Điều 33 (quy định hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán) Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản, cơ quan có tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản. Trong đó:

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển (là tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đang giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý) chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển do các đối tượng không phải là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các đối tượng đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

a2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá ghi trên} \\ \text{Biên bản bàn giao,} \\ \text{tiếp nhận tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây} \\ \text{dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương} \\ \text{đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá xây} \\ \text{dựng} \\ \text{mới của} \\ \text{tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá xây dựng mới của tài sản có} \\ \text{tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ} \\ \text{quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc} \\ \text{theo quy định cụ thể của địa phương nơi} \\ \text{có tài sản) áp dụng tại thời điểm đưa tài} \\ \text{sản vào sử dụng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích, thể} \\ \text{tích xây} \\ \text{dựng/ Số} \\ \text{lượng/tiêu chí} \\ \text{khác (nếu có)} \\ \text{của tài sản} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị của các kết cấu khác gắn với công} \\ \text{trình/hạng mục công trình (như: trần,} \\ \text{sàn/tiêu chí khác (nếu có)) xác định theo} \\ \text{quy định của Bộ quản lý chuyên ngành} \\ \text{(hoặc theo quy định cụ thể của địa} \\ \text{phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa} \\ \text{tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này, không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng theo quy định tại điểm a3 khoản này thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản.

~~a5) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán mà không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá để xác định giá trị tài sản làm căn cứ xác định nguyên giá ghi trên Biên bản giao, tiếp nhận tài sản.~~

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi trên sổ kế toán nhưng không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này mà có tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương đang được ghi sổ kế toán thì sử dụng nguyên giá của tài sản cùng loại hoặc tương đương đó để làm nguyên giá; trường hợp không có tài sản tương đương đang được ghi sổ kế toán thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc được giao lập phương án xử lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để đánh giá lại giá trị còn lại của tài sản, thời gian sử dụng để tính hao mòn còn lại của tài sản để xác định nguyên giá ghi trên Biên bản giao, tiếp nhận tài sản theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá ghi trên} \\ \text{Biên bản giao,} \\ \text{tiếp nhận tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{theo đánh giá lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Thời gian sử dụng để tính hao mòn của tài} \\ \text{sản cùng loại theo quy định (năm)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Thời gian sử dụng để tính hao mòn còn lại} \\ \text{của tài sản theo đánh giá lại (năm)} \end{array}}$$

Trong đó, thời gian sử dụng để tính hao mòn của tài sản cùng loại được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao, được điều chuyển mà cơ quan tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (bao gồm cả chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản). Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/ diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có giao cho cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại Chương II Nghị định số 12/2025/NĐ-CP mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản trước khi giao (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản,

các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

d) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khi kiểm kê phát hiện thừa được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài sản kết} \\ \text{cấu hạ tầng đường thủy} \\ \text{nội địa khi kiểm kê phát} \\ \text{hiện thừa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{ghi trên Biên} \\ \text{bản kiểm kê} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản phí, lệ phí} \\ \text{theo quy định của pháp} \\ \text{luật về phí và lệ phí} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản kiểm kê được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá trị đầu tư xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản kiểm kê được xác định theo quy định tại **khoản 1, khoản 2 Điều này**.

a2) Đối với tài sản không có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng của tài sản đó nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá trị đầu tư xây dựng, mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì nguyên giá ghi trên Biên bản kiểm kê được xác định theo quy định tại **điểm a3 khoản 3 Điều này**.

a3) Đối với tài sản không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản theo quy định tại **điểm a1, điểm a2 khoản này** thì thực hiện theo quy định tại **điểm a5 khoản 3 Điều này**.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý mà đơn vị đã chi ra trong quá trình kiểm kê, xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản để ghi sổ kế toán (bao gồm cả chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại của tài sản, thời gian sử dụng để tính hao mòn còn lại của tài sản).

c) Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì đơn vị thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung...).”.

đ) Bổ sung khoản 7:

“7. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 6. Bổ sung khoản 6 Điều 8 như sau:

“6. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 7. Bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

“4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận từ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong năm thì việc tính hao mòn trong năm đó được thực hiện tại cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản.”.

Điều 8. Bổ sung khoản 4 Điều 15 như sau:

“4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có nguyên giá từ 10 triệu đến dưới 30 triệu đồng đã được theo dõi trên sổ kế toán của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định tại Thông tư số 22/2025/TT-BTC thì từ năm tài chính 2025 thực hiện thực hiện mở sổ theo dõi tài sản là công cụ dụng cụ theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán, không thực hiện theo quy định tại Thông tư này.”.

Điều 9. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ

a) Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý tài sản” thành “cơ quan, đơn vị quản lý tài sản” tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 11.

b) Thay các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A, số 02B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BTC thành các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A, số 02B quy định tại **Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.**

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 72/2025/TT-BTC NGÀY 02 THÁNG 7 NĂM 2025 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 10. Bổ sung khoản 9 Điều 5 như sau

“9. Trường hợp sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp hoặc sử dụng vào mục đích quy định tại **Điều 64** Nghị định số/2026/NĐ-CP ngàytháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải) tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Thông tư này².”.

Điều 11. Sửa đổi một số điểm, khoản của Điều 6 như sau

a) Sửa đổi điểm 1 như sau:

² Để phù hợp với quy định tại dự thảo Nghị định đang trình Chính phủ tại Tờ trình số 1020/TTr-QLCS ngày 29/12/2025 (sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp, vào mục đích khác như khắc phục hậu quả thiên tai...)

“1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá tài} \\ \text{sản kết} \\ \text{cấu hạ} \\ \text{tầng hàng} \\ \text{hải do} \\ \text{mua sắm} \end{array} = \left[\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{trị} \\ \text{ghi} \\ \text{trên} \\ \text{hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương mại} \\ \text{hoặc giảm} \\ \text{giá hoặc} \\ \text{phạt người} \\ \text{bán (nếu} \\ \text{có)} \end{array} \right] + \left[\begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ, chi phí} \\ \text{sửa chữa, cải} \\ \text{tạo, nâng cấp,} \\ \text{chi phí lắp} \\ \text{đặt, chạy thử} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{thu hồi} \\ \text{về sản} \\ \text{phẩm,} \\ \text{phế liệu} \\ \text{do chạy} \\ \text{thử} \end{array} \right] + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{(không bao gồm các} \\ \text{khoản thuế được} \\ \text{khấu trừ, hoàn lại);} \\ \text{các khoản phí, lệ} \\ \text{phí theo quy định} \\ \text{của pháp luật về phí} \\ \text{và lệ phí (nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu} \\ \text{có)} \end{array}$$

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, **kiểm tra**³, kiểm toán, **điều tra** thì cơ quan quản lý tài sản phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển, **quyết định chuyển giao**⁴ của cơ quan, người có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài} \\ \text{sản kết cấu hạ} \\ \text{tầng hàng hải} \\ \text{được giao, nhận} \\ \text{điều chuyển,} \\ \text{chuyển giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{ghi trên Biên} \\ \text{bản bàn giao,} \\ \text{tiếp nhận tài sản} \end{array} + \left[\begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ, chi phí} \\ \text{sửa chữa, cải} \\ \text{tạo, nâng} \\ \text{cấp, chi phí} \\ \text{lắp đặt, chạy} \\ \text{thử} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thu hồi về} \\ \text{sản phẩm,} \\ \text{phế liệu do} \\ \text{chạy thử} \end{array} \right] + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{phí, lệ phí} \\ \text{theo quy định} \\ \text{của pháp luật} \\ \text{về phí và lệ} \\ \text{phí} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu} \\ \text{có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan có tài sản giao, điều chuyển, **chuyển giao**.

Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, **chuyển giao** tài sản, cơ quan có tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính

³ Bổ sung cụm từ “kiểm tra”, “điều tra” theo quy định tại khoản 1 Điều 33 (quy định hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán) Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

⁴ Đề bao quát các trường hợp phát sinh, phù hợp với hình thức xử lý tài sản (chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý) quy định tại Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

hao mòn còn lại của tài sản. Trong đó:

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, **nhận chuyển giao** (là tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đang giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý) chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, **nhận chuyển giao** do các đối tượng không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các đối tượng đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

a2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá ghi trên Biên} \\ \text{bản bàn giao, tiếp nhận tài} \\ \text{sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới} \\ \text{của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời} \\ \text{điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{xây} \\ \text{dựng} \\ \text{mới} \\ \text{của tài} \\ \text{sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá xây dựng mới của tài sản có} \\ \text{tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do} \\ \text{Bộ quản lý chuyên ngành ban hành} \\ \text{(hoặc theo quy định cụ thể của địa} \\ \text{phương nơi có tài sản) áp dụng tại} \\ \text{thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích,} \\ \text{thể tích xây} \\ \text{dựng/ Số} \\ \text{lượng/tiêu} \\ \text{chí khác} \\ \text{(nếu có) của} \\ \text{tài sản} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị của các kết cấu khác gắn với} \\ \text{công trình/hạng mục công trình (như:} \\ \text{trần, sàn/tiêu chí khác (nếu có)) xác} \\ \text{định theo quy định của Bộ quản lý} \\ \text{chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ} \\ \text{thể của địa phương nơi có tài sản) tại} \\ \text{thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này, không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng theo quy định tại điểm a3 khoản này thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản.

a5) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán mà không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá **hoặc thành lập Hội đồng**⁵ theo quy định của pháp luật về giá để xác định giá trị tài sản làm căn cứ xác định nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, được điều chuyển mà cơ quan tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có giao cho cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại Chương II Nghị định số 84/2025/NĐ-CP mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản trước khi giao (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản, các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

d) Bổ sung khoản 7:

“7. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 12. Bổ sung khoản 6 Điều 8 như sau

“6. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 13. Bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau

“4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải mà cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp nhận từ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong năm thì việc tính hao mòn trong năm

⁵ Để linh hoạt trong tổ chức thực hiện; đồng thời đồng bộ với quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC.

đó được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận tài sản.”.

Điều 14. Bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau

“2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, nhận điều chuyển, **nhận chuyển giao** quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này thì **cơ quan tiếp nhận tài sản giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao có trách nhiệm tính hao mòn tài sản từ năm tiếp nhận tài sản đưa vào sử dụng để ghi sổ kế toán**; mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan quản lý tài sản được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan quản lý tài sản (năm cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận tài sản/năm thực hiện kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{mòn của năm} \\ \text{đầu tiên ghi} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức hao mòn} \\ \text{hàng năm của tài} \\ \text{sản xác định theo} \\ \text{công thức quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều này} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao} \\ \text{mòn của tài sản} \\ \text{cùng loại theo quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều 10 Thông tư} \\ \text{này (năm)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản theo} \\ \text{quy định hoặc thời gian} \\ \text{tính hao mòn còn lại} \\ \text{của tài sản theo đánh} \\ \text{giá lại (năm)} \end{array} \right)$$

Trường hợp năm bàn giao, tiếp nhận tài sản khác với năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản thì cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển, chuyển giao hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ lập phương án xử lý tài sản phải tính bổ sung số hao mòn của thời gian tính từ năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản đến năm bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển, chuyển giao để ghi vào Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản. Mức hao mòn của 01 năm xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này⁶.”

Điều 15. Thay thế Phụ lục II

Thay các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A, số 02B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 72/2025/TT-BTC thành các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A, số 02B quy định tại **Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.**

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 75/2025/TT-BTC NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2025 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH VỀ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

⁶ Để đảm bảo bao quát đầy đủ các trường hợp phát sinh trong thực tế (năm bàn giao, tiếp nhận tài sản khác với năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản).

Điều 16. Bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:

“9. Trường hợp sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp hoặc sử dụng vào mục đích quy định tại **Điều 41** Nghị định số/2026/NĐ-CP ngàytháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt) tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Thông tư này⁷”.

Điều 17. Sửa đổi một số điểm, khoản của Điều 7 như sau

a) Sửa đổi điểm 1:

“1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 15/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá tài} \\ \text{sản kết} \\ \text{cấu hạ} \\ \text{tầng} \\ \text{đường sắt} \\ \text{do mua} \\ \text{sắm} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{trị} \\ \text{ghi} \\ \text{trên} \\ \text{hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương mại} \\ \text{hoặc giảm} \\ \text{giá hoặc} \\ \text{phạt người} \\ \text{bán (nếu} \\ \text{có)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ, chi phí} \\ \text{sửa chữa, cải} \\ \text{tạo, nâng cấp,} \\ \text{chi phí lắp} \\ \text{đặt, chạy thử} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{thu hồi} \\ \text{về sản} \\ \text{phẩm,} \\ \text{phế liệu} \\ \text{do chạy} \\ \text{thử} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{(không bao gồm các} \\ \text{khoản thuế được} \\ \text{khấu trừ, hoàn lại);} \\ \text{các khoản phí, lệ} \\ \text{phí theo quy định} \\ \text{của pháp luật về phí} \\ \text{và lệ phí} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu} \\ \text{có)} \end{array}$$

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2:

“d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, **kiểm tra**⁸, kiểm toán, **điều tra** thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3:

“3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển, **quyết định chuyển giao**⁹ của cơ quan, người có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 15/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

⁷ Đề phù hợp với quy định tại dự thảo Nghị định đang trình Chính phủ tại Tờ trình số 1020/TTr-QLCS ngày 29/12/2025 (sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp, vào mục đích khác như khắc phục hậu quả thiên tai...)

⁸ Bổ sung cụm từ “kiểm tra”, “điều tra” theo quy định tại khoản 1 Điều 33 (quy định hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán) Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

⁹ Đề bao quát các trường hợp phát sinh, phù hợp với hình thức xử lý tài sản (chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý) quy định tại Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được giao, <i>nhận</i> điều chuyển, <i>chuyển giao</i>	=	Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản	+	Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp , chi phí lắp đặt, chạy thử	-	Các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử	+	Các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	+	Chi phí khác (nếu có)
---	---	--	---	--	---	--	---	--	---	-----------------------

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của đối tượng có tài sản giao, điều chuyển, **chuyển giao**.

Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, **chuyển giao** tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản; trong đó:

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, **chuyển giao** (là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý) chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển, **nhận chuyển giao** do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các đối tượng đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

a2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản	=	Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng
--	---	--

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá xây dựng mới của tài sản} = \text{Đơn giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) áp dụng tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \times \text{Diện tích, thể tích xây dựng/ số lượng/tiêu chí khác (nếu có) của tài sản} + \text{Giá trị của các kết cấu khác gắn với công trình/hạng mục công trình (như: trần, sàn/tiêu chí khác (nếu có)) xác định theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này, không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo quy định tại điểm a3 khoản này thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản.

a5) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán mà không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thuê doanh nghiệp thẩm định giá **hoặc thành lập Hội đồng**¹⁰ để xác định giá trị tài sản để làm một trong những cơ sở để xem xét và quyết định nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được giao, được điều chuyển mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp nhận tài sản đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/ diện tích/ giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo quy định tại Chương II Nghị định số 15/2025/NĐ-CP mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phối hợp với đối tượng đang quản lý/tạm quản lý tài sản trước khi giao (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản, các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của

¹⁰ Để linh hoạt trong tổ chức thực hiện; đồng thời đồng bộ với quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC.

tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

d) Bổ sung khoản 7:

“7. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 18. Bổ sung khoản 6 Điều 9 như sau:

“6. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 19. Bổ sung khoản 4 Điều 10 như sau:

“4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mà doanh nghiệp được giao quản lý tài sản tiếp nhận từ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong năm thì việc tính hao mòn trong năm đó được thực hiện tại doanh nghiệp tiếp nhận tài sản.”.

Điều 20. Bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau

“2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được giao, nhận điều chuyển, **nhận chuyển giao quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này thì **doanh nghiệp tiếp nhận tài sản giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao có trách nhiệm tính hao mòn tài sản từ năm tiếp nhận tài sản đưa vào sử dụng để ghi sổ kế toán**; mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.**

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (năm doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp nhận tài sản/năm thực hiện kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{mòn của năm} \\ \text{đầu tiên ghi} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức hao mòn} \\ \text{hàng năm của tài} \\ \text{sản xác định theo} \\ \text{công thức quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều này} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao} \\ \text{mòn của tài sản} \\ \text{cùng loại theo quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều 10 Thông tư} \\ \text{này (năm)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản theo} \\ \text{quy định hoặc thời gian} \\ \text{tính hao mòn còn lại} \\ \text{của tài sản theo đánh} \\ \text{giá lại (năm)} \end{array} \right)$$

Trường hợp năm bàn giao, tiếp nhận tài sản khác với năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản thì cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển, chuyển giao hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ lập phương án xử lý tài sản phải tính bổ sung số hao mòn của thời gian tính từ năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển,

chuyển giao tài sản đến năm bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển, chuyển giao để ghi vào Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản. Mức hao mòn của 01 năm xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Thay thế Phụ lục II

Thay các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A, số 02B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 75/2025/TT-BTC thành các biểu mẫu: số 01A, số 01B, số 01C, số 01D, số 02A, số 02B quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.
4. *Bộ Xây dựng*, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý, tính hao mòn, kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải theo quy định tại Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Thành Trung